Ký bởi: Văn phòng Ủy ban Nhân dân
10/05/2019 16:35:01

UỶ BAN NHÂN DÂN **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆTNAM** **Độc lập - Tự do- Hạnh phúc**
Số: 1733 /QĐ-UBND	*Thanh Hoá, ngày 10 tháng 5 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
Phê duyệt danh mục và cấp kinh phí thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh đợt III, năm 2019

CHỦ TỊCH UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HOÁ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Khoa học và Công nghệ ngày 18/6/2013; Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27/01/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Công văn số 4014/BKHCN-KHTC ngày 17/12/2018 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc hướng dẫn nội dung kế hoạch và dự toán ngân sách sự nghiệp khoa học và công nghệ năm 2019 của các tỉnh, thành phố;

Căn cứ Quyết định số 5068/QĐ-UBND ngày 17/12/2018 của UBND tỉnh về việc giao dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; thu, chi ngân sách địa phương và phân bổ dự toán chi ngân sách địa phương năm 2019;

Căn cứ Quyết định số 4125/QĐ-UBND ngày 22/10/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt kế hoạch các nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh năm 2019;

Căn cứ các Quyết định số: 1720/QĐ-UBND ngày 13/5/2015; 1217/QĐ-UBND ngày 19/4/2017; 22276/QĐ-UBND ngày 30/6/2017; 3538/QĐ-UBND ngày 19/9/2017; 4107/QĐ-UBND ngày 30/10/2017; 1334/QĐ-UBND ngày 16/4/2018; 1555/QĐ-UBND ngày 02/5/2018; 4125/QĐ-UBND ngày 22/10/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt danh mục và cấp kinh phí thực hiện các nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh;

Theo đề nghị tại Tờ trình số 406/TTr-SKHCN ngày 26/4/2019 của Sở Khoa học và Công nghệ xin phê duyệt và cấp kinh phí thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh đợt III, năm 2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt và cấp kinh phí thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh đợt III, năm 2019, gồm: 25 nhiệm vụ

Trong đó:

- Cấp cho 5 nhiệm vụ đã nghiệm thu: 1.637,126 triệu đồng;
- Cấp cho 7 nhiệm vụ chuyển tiếp: 3.170,0 triệu đồng;
- Cấp cho 13 nhiệm vụ mới: 8.139,193 triệu đồng

Với kinh phí sự nghiệp khoa học là: 12.946,319 triệu đồng

(Mười hai tỷ, chín trăm bốn sáu triệu, ba trăm mười chín ngàn đồng).

(Danh mục kèm theo).

Nguồn kinh phí: Sự nghiệp khoa học năm 2019 chưa phân bổ.

Điều 2. Căn cứ vào Quyết định này và danh mục các nhiệm vụ khoa học, công nghệ được duyệt:

1. Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ quyết định bổ nhiệm chủ nhiệm các đề tài, dự án, ký kết các hợp đồng nghiên cứu; có trách nhiệm hướng dẫn thực hiện, kiểm tra và thành lập hội đồng nghiệm thu, báo cáo kết quả về UBND tỉnh.

2. Sở Tài chính có trách nhiệm:

- Cấp kinh phí trực tiếp cho các cơ quan chủ trì, chủ đề tài, dự án để triển khai thực hiện.

- Theo dõi việc sử dụng kinh phí và thanh, quyết toán kinh phí đã cấp cho các đơn vị.

3. Các cơ quan chủ trì và chủ nhiệm các đề tài, dự án chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện nội dung đề tài, dự án được duyệt, quản lý và sử dụng kinh phí đúng quy định, hiệu quả cao.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Kho bạc tỉnh, Chủ nhiệm các đề tài, dự án và Thủ trưởng các ngành, các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3 QĐ;
- Chủ tịch UBND tỉnh (để báo cáo);
- Lưu: VT, PgNN.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Đức Quyền

DANH MỤC CÁC NHIỆM VỤ KH&CN CẤP KINH PHÍ ĐỢT III, NĂM 2019

(Kèm theo Quyết định số 1533 /QĐ-UBND ngày 10 tháng 5 năm 2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hoá)

I. Nhiệm vụ đã nghiệm thu: 05

TT	Tên nhiệm vụ KHCN	Tổ chức chủ trì	Mục tiêu	Nội dung	Kết quả	Thời gian thực hiện	Kinh phí theo quyết toán (triệu đồng)				Ghi chú
							Tổng số	SNKH	Đã cấp	Cấp năm 2019	
1.	Đề tài: Đánh giá trình độ công nghệ và đề xuất giải pháp nâng cao trình độ công nghệ, đổi mới công nghệ các doanh nghiệp sản xuất trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2016-2020, định hướng đến năm 2030.	Viện Đánh giá khoa học và định giá công nghệ - Bộ Khoa học và Công nghệ	- Đánh giá hiện trạng trình độ công nghệ và hiện trạng đổi mới công nghệ của các doanh nghiệp sản xuất thuộc các nhóm ngành kinh tế chủ lực của Thanh Hóa; - Xây dựng cơ sở dữ liệu về trình độ công nghệ các doanh nghiệp sản xuất trên địa bàn tỉnh; - Đề xuất các giải pháp khai thác trình độ công nghệ hiện có, định hướng đầu tư đổi mới công nghệ để khai thác tiềm năng, thế mạnh của tỉnh, so sánh đối chiếu với một số địa phương khác - Đề xuất lộ trình đổi mới công nghệ cho một số ngành kinh tế chủ lực giai đoạn 2016-2020, tầm nhìn đến năm 2030; - Xây dựng phương án định kỳ cập nhật, đánh giá trình độ	-Nghiên cứu tổng quan đánh giá trình độ công nghệ -Nghiên cứu thực trạng vấn đề đánh giá trình độ công nghệ hiện nay tại Việt Nam -Thu thập thông tin khảo sát, xử lý số liệu, phân tích thông tin dữ liệu đánh giá trình độ công nghệ doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh -Nghiên cứu, đánh giá hiện trạng trình độ công nghệ các nhóm ngành sản xuất dựa trên các thông tin, dữ liệu thu thập và khảo sát trực tiếp -Đề xuất các giải pháp khai thác công nghệ hiện có, đầu tư đổi mới công nghệ nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp các nhóm ngành điều tra. - Xây dựng phần mềm có giao diện web quản lý cơ sở dữ liệu đánh giá trình độ công nghệ (có chức năng nhập và kết xuất dữ liệu phục vụ lập báo cáo) - Đào tạo, tập huấn chuyển giao phần mềm đánh giá	- Báo cáo kết quả điều tra trình độ công nghệ của gần 250 doanh nghiệp thuộc 8 nhóm ngành là thế mạnh của tỉnh (Căn cứ theo phân nhóm ngành tại phụ lục 2 về tên ngành công nghiệp chế biến, chế tạo của thông tư số 04/2014/TT-BKHCN ngày 08/4/2014). - Báo cáo đề xuất các giải pháp khai thác công nghệ hiện có, đầu tư đổi mới công nghệ nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp các nhóm ngành chủ lực của của tỉnh. - Phần mềm có giao diện web quản lý cơ sở dữ liệu đánh giá trình độ công nghệ sản xuất trên địa bàn tỉnh (có chức năng nhập và kết xuất dữ liệu). - Phương án định kỳ cập nhật, đánh giá trình độ công nghệ các doanh nghiệp sản xuất trên địa bàn tỉnh	10/2016 – 4/2018	1452.035	1452.035	1154.23	297.805	- Không thu hồi - Biên bản quyết toán kinh phí ngày 07/3/2019 giữa Sở Tài chính và Tổ chức chủ trì (kinh phí SNKH giảm 52,195 triệu đồng)

TT	Tên nhiệm vụ KHCN	Tổ chức chủ trì	Mục tiêu	Nội dung	Kết quả	Thời gian thực hiện	Kinh phí theo quyết toán (triệu đồng)				Ghi chú
							Tổng số	SNKH	Đã cấp	Cấp năm 2019	
			công nghệ các doanh nghiệp sản xuất trên địa bàn tỉnh.	trình độ công nghệ - Xây dựng phương án định kỳ cập nhật, đánh giá trình độ công nghệ.							
2.	Đề tài: Nghiên cứu đề xuất giải pháp nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ trong các cơ quan hành chính, sự nghiệp ở Đảng bộ tỉnh Thanh Hóa trong giai đoạn hiện nay	Ban Tổ chức Tỉnh ủy	Đánh giá được thực trạng chất lượng sinh hoạt chi bộ trong các cơ quan hành chính, sự nghiệp ở Đảng bộ tỉnh Thanh Hóa từ năm 2010 – 2015. - Đề xuất được giải pháp nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ trong các cơ quan hành chính, sự nghiệp ở Đảng bộ tỉnh Thanh Hóa. - Xây dựng được bộ tiêu chí đánh giá chất lượng sinh hoạt chi bộ trong các cơ quan hành chính, sự nghiệp ở Đảng bộ tỉnh Thanh Hóa trong giai đoạn hiện nay.	- Thu thập thông tin, đánh giá thực trạng chất lượng sinh hoạt chi bộ các cơ quan hành chính, sự nghiệp ở Đảng bộ tỉnh giai đoạn 2010 - 2015. - Đề xuất các giải pháp nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ trong các cơ quan hành chính, sự nghiệp ở Đảng bộ tỉnh - Tổng hợp, xây dựng Đề án: "Nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ trong các cơ quan hành chính, sự nghiệp ở Đảng bộ tỉnh Thanh Hóa trong giai đoạn hiện nay" trình Ban Thường vụ Tỉnh ủy. - Đề xuất bộ tiêu chí đánh giá chất lượng chi bộ trong các cơ quan hành chính, sự nghiệp ở Đảng bộ tỉnh - Xây dựng kế hoạch sử dụng kết quả đề tài - Viết báo cáo tổng kết, nghiệm thu đề tài.	- 01 Báo cáo tổng hợp số liệu khảo sát, thu thập thông tin. - 01 Báo cáo đánh giá thực trạng chất lượng sinh hoạt chi bộ các cơ quan hành chính, sự nghiệp ở Đảng bộ tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2010 - 2015. - 01 dự thảo Đề án "Nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ trong các cơ quan hành chính, sự nghiệp ở Đảng bộ tỉnh Thanh Hóa trong giai đoạn hiện nay". - Bộ tiêu chí đánh giá chất lượng chi bộ trong các cơ quan hành chính, sự nghiệp ở Đảng bộ tỉnh Thanh Hóa (Ban hành kèm theo Hướng dẫn số 03 - HD/TU ngày 29/10/2018). - 01 bản kế hoạch sử dụng kết quả đề tài. - 01 Bài báo công bố kết quả nghiên cứu.	5/2017 - 11/2018	753.95	753.95	605.74	148.21	- Không thu hồi - Biên bản quyết toán kinh phí ngày 11/4/2019 giữa Sở Tài chính và Tổ chức chủ trì (kinh phí SNKH giảm 1,79 triệu đồng)
3.	Đề tài: Ứng dụng kỹ thuật phẫu thuật nội	Bệnh viện Nhi Thanh	- Ứng dụng thành công kỹ thuật phẫu thuật nội soi kết hợp	- Ứng dụng kỹ thuật nội soi kết hợp phẫu thuật mổ mở điều trị dị tật không hậu môn	- 2 báo cáo chuyên môn: + "Một số yếu tố liên quan đến chỉ định của kỹ thuật	5/2016 - 12/2018	514.88	359.958	319.39	40.568	- Không thu hồi - Biên bản

TT	Tên nhiệm vụ KHCN	Tổ chức chủ trì	Mục tiêu	Nội dung	Kết quả	Thời gian thực hiện	Kinh phí theo quyết toán (triệu đồng)				Ghi chú
							Tổng số	SNKH	Đã cấp	Cấp năm 2019	
	soi kết hợp với phẫu thuật mở điều trị dị tật không hậu môn tại Bệnh viện Nhi Thanh Hóa năm 2016 - 2017	Hóa	với phẫu thuật mở điều trị dị tật không hậu môn tại Bệnh viện Nhi Thanh Hóa. - Đánh giá kết quả phẫu thuật nội soi kết hợp với phẫu thuật mở điều trị dị tật không hậu môn cho 30 bệnh nhân	tại Bệnh viện Nhi Thanh Hóa. + Tập huấn kỹ thuật nội soi kết hợp phẫu thuật mổ mở điều trị dị tật không hậu môn cho 6 bác sỹ và 2 kỹ thuật viên. + Khám lâm sàng và cận lâm sàng cho 100 bệnh nhân có dị tật không hậu môn để chọn bệnh nhân đủ tiêu chuẩn phẫu thuật nội soi kết hợp phẫu thuật mổ mở điều trị dị tật không hậu môn. Dự kiến 30 bệnh nhân đủ tiêu chuẩn đã nêu. + Phẫu thuật nội soi kết hợp phẫu thuật mổ mở điều trị dị tật không hậu môn cho 30 bệnh nhân: + Tổng hợp, xử lý số liệu. + Viết báo cáo kết quả nghiên cứu chuyên môn: - Nghiên cứu xác định một số yếu tố liên quan đến chỉ định của kỹ thuật phẫu thuật nội soi kết hợp phẫu thuật mổ mở điều trị dị tật hậu môn trực tràng. - Hội thảo khoa học: - Xây dựng kế hoạch sử dụng kết quả nghiên cứu	phẫu thuật nội soi kết hợp phẫu thuật mổ mở điều trị dị tật hậu môn trực tràng" + "Kết quả Ứng dụng kỹ thuật phẫu thuật nội soi kết hợp với phẫu thuật mở điều trị dị tật không hậu môn tại Bệnh viện Nhi Thanh Hóa" - Tập bài tham luận hội tháo - Báo cáo tổng kết đề tài - Báo cáo phương án sử dụng kết quả nghiên cứu - Bài báo công bố kết quả nghiên cứu đăng trên tạp chí chuyên ngành - Đĩa DVD						quyết toán kinh phí ngày 20/3/2019 giữa Sở Tài chính và Tổ chức chủ trì (kinh phí SNKH giảm 40,432 triệu đồng)
4.	Đề tài: Nghiên cứu xây dựng mô hình sản xuất giống và cam thương phẩm sạch	Công ty CP Mía đường Lam Sơn	- Xây dựng được vườn cây mẹ sản xuất mắt ghép S1, quy mô 300m2 (50 cây mẹ). - Xây dựng được vườn ươm 500m2	- Nghiên cứu lựa chọn địa điểm xây dựng vườn cây mẹ sản xuất mắt ghép S1, vườn sản xuất giống và mô hình sản xuất cam thương phẩm.	- Báo cáo chuyên đề: Cơ sở lựa chọn địa điểm sản xuất mắt ghép S1, vườn ươm sản xuất giống và mô hình sản xuất cam thương phẩm. - 50 cây mẹ sản xuất mắt	11/2014 - 11/2017	2565.81	1100.26	750.26	350	- Không thu hồi - Biên bản quyết toán kinh phí ngày 20/3/2019

TT	Tên nhiệm vụ KHCN	Tổ chức chủ trì	Mục tiêu	Nội dung	Kết quả	Thời gian thực hiện	Kinh phí theo quyết toán (triệu đồng)				Ghi chú
							Tổng số	SNKH	Đã cấp	Cấp năm 2019	
	bệnh, chất lượng cao tại khu công nghệ cao Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa		sản xuất giống, cấy mô (10.000 cây/2 năm) - Xây dựng được 02 mô hình sản xuất cam thương phẩm: + 01 mô hình 5 ha trên đất dốc từ 8-10^0 + 01 mô hình 5 ha trên đất ít dốc từ 1-3^0	- Đào tạo các quy trình kỹ thuật cho cán bộ cán bộ. - Xây dựng vườn cây mẹ và sản xuất mắt ghép S1. - Xây dựng vườn ươm và sản xuất cây giống. - Xây dựng 2 mô hình sản xuất cam thương phẩm trên đất dốc và trên đất ít dốc. - Tập huấn kỹ thuật cho người dân. - Xây dựng bản hướng dẫn kỹ thuật. - Hội thảo khoa học - Xây dựng phương án sử dụng kết quả đề tài	ghép. - 10.000 cây giống cam V2 - Bản hướng dẫn kỹ thuật sản xuất giống - Bản hướng dẫn kỹ thuật sản xuất cam thương phẩm. - Kỷ yếu Hội thảo. - Báo cáo phương án sử dụng kết quả nghiên cứu. - Báo cáo tổng hợp kết quả nghiên cứu. - Bài báo đăng trên tạp chí trong nước.						giữa Sở Tài chính và Tổ chức chủ trì
5.	Đề tài: Nghiên cứu sử dụng vật liệu thay thế cát tự nhiên cho xây dựng trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa	Sở Xây dựng	- Đánh giá được hiện trạng khai thác, sử dụng cát trên địa bàn tỉnh. - Đánh giá được nguồn nguyên liệu khoáng sản đá thay thế cát tự nhiên cho xây dựng trên địa bàn tỉnh. - Lựa chọn được công nghệ tiên tiến và phù hợp để sản xuất cát nhân tạo thay thế cát tự nhiên cho xây dựng trên địa bàn tỉnh. - Sản xuất được khoảng 1.344 m3 cát nghiền từ khoáng sản đá, đáp ứng TCVN 9502:2012 về yêu cầu kỹ thuật đối với cát nhân tạo. - Xây dựng được các giải pháp về quản lý nhà	- Khảo sát, đánh giá tình hình khai thác và sử dụng cát sỏi lòng sông trên địa bàn tỉnh. - Khảo sát, đánh giá nguồn nguyên liệu thay thế cát tự nhiên hiện nay trên địa bàn tỉnh. - Khảo sát lựa chọn công nghệ - thiết bị, lựa chọn đơn vị phù hợp sản xuất cát nghiền nhân tạo trên địa bàn tỉnh. - Tổ chức sản xuất thử nghiệm cát nghiền nhân tạo thay thế cát tự nhiên cho công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh. - Đề xuất giải pháp về công tác quản lý nhà nước đối với phát triển và sử dụng cát nghiền	- Báo cáo đánh giá tình hình khai thác và sử dụng cát lòng sông trên địa bàn tỉnh. - Báo cáo đánh giá nguồn nguyên liệu thay thế cát tự nhiên trên địa bàn tỉnh. - Báo cáo kết quả lựa chọn công nghệ - thiết bị, kết quả lựa chọn địa điểm sản xuất cát nghiền nhân tạo thay thế cát tự nhiên trên địa bàn tỉnh. - Báo cáo đề xuất giải pháp trong công tác quản lý nhà nước đối với phát triển và sử dụng cát nghiền trong công trình xây dựng. - 1.344 m3 cát nghiền từ khoáng sản đá, đáp ứng TCVN 9502:2012. - Báo cáo phương án sử dụng kết quả đề tài.	5/2018 - 11/2019	1300.607	1300.607	500.064	800.543	- Không thu hồi - Biên bản quyết toán kinh phí ngày 23/4/2019 giữa Sở Tài chính và Tổ chức chủ trì (kinh phí SNKH giảm 28,457 triệu đồng)

TT	Tên nhiệm vụ KHCN	Tổ chức chủ trì	Mục tiêu	Nội dung	Kết quả	Thời gian thực hiện	Kinh phí theo quyết toán (triệu đồng)				Ghi chú
							Tổng số	SNKH	Đã cấp	Cấp năm 2019	
			nước trong việc sử dụng trong công trình xây cát nghiền thay thế cát dùng tự nhiên cho công trình xây dựng.	- Tổng kết dự án.	- Báo cáo tổng kết đề tài.						
	Cộng									1637.126	

II. Nhiệm vụ chuyển tiếp: 07

TT	Tên nhiệm vụ KH&CN	Tổ chức chủ trì	Mục tiêu, nội dung chính		Dự kiến kết quả đạt được	Kết quả thực hiện bước 1	Kế hoạch thực hiện tiếp theo	Thời gian thực hiện	Kinh phí (triệu đồng)			
			Mục tiêu	Nội dung					Tổng số	SNKH	Đã cấp	Cấp năm 2019
1.	Đề tài: Ứng dụng công nghệ IoT, Cloud Computing để xây dựng hệ thống quan trắc tự động, liên tục môi trường lao động tại các trạm viễn thông trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa	Công ty CP ThinkLABs	- Đánh giá được thực trạng công tác quan trắc, cảnh báo và xử lý cảnh báo chất lượng môi trường lao động tại các trạm viễn thông (BTS). - Lựa chọn được các công nghệ tiên tiến phù hợp để phát triển hệ thống quan trắc, cảnh báo và xử lý thông tin môi trường lao động tại các BTS. - Xây dựng thành công hệ thống quan trắc, cảnh báo, xử lý tự động thông tin môi trường lao động tại các BTS, gồm:	- Đánh giá thực trạng quan trắc môi trường làm việc. - Lựa chọn các công nghệ tiên tiến và thiết bị để xây dựng hệ thống quan trắc, cảnh báo và xử lý tự động thông tin môi trường lao động. - Xây dựng hệ thống quan trắc, cảnh báo tự động, liên tục và quản trị rủi ro môi trường lao động tại các BTS - Vận hành thử hệ thống, đào tạo và chuyển giao công nghệ. - Xây dựng phương án sử	- Báo cáo đánh giá về thực trạng quan trắc môi trường lao động tại các BTS; báo cáo lựa chọn công nghệ. - Báo cáo kết quả lựa chọn công nghệ, lựa chọn thiết bị. - Bản phân tích thiết kế hệ thống và tài liệu mô tả về giải pháp đề xuất. - Hệ thống quan trắc liên tục, tự động môi trường lao động tại các BTS (phần cứng và phần mềm) kèm theo tài liệu hướng dẫn cài đặt và sử dụng. - Báo cáo kết	- Điều tra khảo sát và thu thập thông tin thực trạng quan trắc môi trường làm việc tại các BTS và các dịch vụ quan trắc môi trường hiện có - Nghiên cứu các công nghệ tiên tiến và lựa chọn các thiết bị IoT cho hệ thống quan trắc môi trường làm việc. - Xây dựng hệ thống quan trắc, cảnh báo tự động, liên tục và quản trị rủi ro môi trường lao động tại các trạm viễn thông	- Tiếp tục thực hiện nội dung Xây dựng hệ thống quan trắc, cảnh báo tự động, liên tục và quản trị rủi ro môi trường lao động tại các BTS: + Xây dựng phần mềm cảnh báo tự động và quản trị rủi ro về môi trường lao động. + Tổ chức hội thảo khoa học: Đánh giá giải pháp xây dựng hệ thống quan trắc, cảnh báo và quản trị rủi ro về môi trường lao động tại các BTS.	4/2018 - 10/2019	2093.4	1822	722	550

TT	Tên nhiệm vụ KH&CN	Tổ chức chủ trì	Mục tiêu, nội dung chính		Dự kiến kết quả đạt được	Kết quả thực hiện bước 1	Kế hoạch thực hiện tiếp theo	Thời gian thực hiện	Kinh phí (triệu đồng)			
			Mục tiêu	Nội dung					Tổng số	SNKH	Đã cấp	Cấp năm 2019
			+ 01 bộ phần mềm quan trắc, cảnh báo và xử lý thông tin môi trường lao động. + 10 bộ thiết bị quan trắc được cài đặt tại 10 BTS của VNPT Thanh Hóa. - Vận hành thử nghiệm hệ thống quan trắc tại 10 BTS đã lựa chọn	dụng kết quả đề tài. - Tổng kết đề tài.	quả thử nghiệm hệ thống được áp dụng cho 10 BTS của VNPT Thanh Hóa. - Phương án sử dụng kết quả đề tài. - Báo cáo tổng kết đề tài. - Bài báo khoa học đăng trên tạp chí chuyên ngành.		- Vận hành thử nghiệm hệ thống, đào tạo và chuyển giao công nghệ. - Xây dựng phương án sử dụng kết quả đề tài. - Bài báo khoa học. - Báo cáo tổng kết; nghiệm thu đề tài.					
2.	Dự án: Ứng dụng công nghệ - thiết bị chưng cất chân không để sản xuất rượu gạo truyền thống Xứ Thanh	Công ty CP Dạ Lan	Ứng dụng thành công công nghệ - thiết bị (CNTB) chưng cất chân không để sản xuất các sản phẩm rượu gạo truyền thống chất lượng cao tại Thanh Hóa	- Khảo sát để xây dựng hệ thống dây chuyền công nghệ chưng cất rượu. - Chuyển giao, tiếp nhận, đào tạo, tập huấn các quy trình công nghệ sản xuất bằng CNTB chưng cất chân không. - Lắp đặt, tổ chức sản xuất thử nghiệm theo công nghệ mới; hoàn thiện quy trình sản xuất rượu gạo bằng công nghệ chưng cất chân không tại Công ty. - Quảng bá sản phẩm, thăm dò ý kiến khách hàng. - Xây dựng Tiêu	- Dây chuyền đồng bộ sản xuất rượu gạo truyền thống xứ Thanh sử dụng CNTB chưng cất chân không. - 50.000 lít rượu sản xuất bằng CNTB chưng cất chân không đáp ứng TCVN 7043:2013. - Qui trình công nghệ sản xuất rượu gạo truyền thống xứ Thanh bằng CNTB chưng cất chân không. - Báo cáo đánh giá các yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng rượu	- Khảo sát để xây dựng hệ thống dây chuyền công nghệ chưng cất rượu; - Chuyển giao, tiếp nhận, đào tạo, tập huấn các quy trình công nghệ sản xuất bằng CNTB chưng cất chân không; - Lắp đặt, tổ chức sản xuất thử nghiệm theo công nghệ mới; hoàn thiện quy trình sản xuất rượu gạo bằng công nghệ chưng cất chân không.	- Tiếp tục thực hiện nội dung lắp đặt, tổ chức sản xuất thử nghiệm theo công nghệ mới; hoàn thiện quy trình sản xuất rượu gạo bằng công nghệ chưng cất chân không. - Quảng bá sản phẩm, thăm dò ý kiến khách hàng. - Xây dựng và công bố tiêu chuẩn cơ sở cho các sản phẩm rượu gạo truyền thống xứ Thanh của dự án. - Xây dựng hồ	4/2018 - 4/2020	12398.038	2257.298	857.298	945

TT	Tên nhiệm vụ KH&CN	Tổ chức chủ trì	Mục tiêu, nội dung chính		Dự kiến kết quả đạt được	Kết quả thực hiện bước 1	Kế hoạch thực hiện tiếp theo	Thời gian thực hiện	Kinh phí (triệu đồng)			
			Mục tiêu	Nội dung					Tổng số	SNKH	Đã cấp	Cấp năm 2019
				chuẩn cơ sở cho các sản phẩm rượu gạo truyền thống xứ Thanh của dự án. * Xây dựng phương án sử dụng kết quả dự án.	gạo truyền thống tại Thanh Hóa. - Giấy chứng nhận đào tạo về công nghệ - Phương án sử dụng kết quả - Báo cáo kết quả nhiệm vụ.		sơ tổng kết, nghiệm thu dự án.					
3.	Đề tài: Khôi phục, phát triển nghề trồng và chế biến dong riềng truyền thống theo chuỗi giá trị tại huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hóa	Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh Thanh Hóa	-Xây dựng thành công mô hình trồng dong riềng năng suất, chất lượng cao theo hướng VIETGAP quy mô 20 ha trên địa bàn 2 xã thuộc huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hóa. -Xây dựng được quy trình sản xuất, chế biến dong riềng đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm theo chuỗi giá trị.	-Nghiên cứu thực trạng trồng, chế biến và tiêu thụ sản phẩm từ dong riềng tại 6 huyện trung du miền núi của tỉnh -Nghiên cứu trồng thử nghiệm một số giống dong riềng có năng suất, chất lượng cao tại huyện Cẩm Thủy -Xây dựng mô hình trình diễn trồng dong riềng theo hướng VIETGAP -Tổ chức tham quan học tập mô hình liên kết sản xuất dong riềng tại tỉnh Yên Bái. - Xây dựng mô hình tổ chức liên kết sản xuất, chế biến, tiêu thụ sản phẩm do Hội liên hiệp Phụ nữ thành	-Báo cáo đánh giá thực trạng trồng, chế biến và tiêu thụ sản phẩm từ dong riềng ở một số huyện trung du miền núi - Báo cáo kết quả trồng thử nghiệm một số giống dong riềng năng suất, chất lượng cao. - 1200 tấn củ dong riềng tươi, 240 kg bột dong riềng khô thành phẩm, 1800 kg miến dong riềng khô thành phẩm. - Quy trình kỹ thuật chế biến dong riềng. -Mô hình tổ chức liên kết sản xuất, chế biến, tiêu thụ sản phẩm. - 02 mô hình	-Nghiên cứu thực trạng trồng, chế biến và tiêu thụ sản phẩm từ dong riềng tại 6 huyện trung du miền núi tỉnh Thanh Hóa - Nghiên cứu trồng thử nghiệm một số giống dong riềng có năng suất, chất lượng cao tại huyện Cẩm Thủy. - Tham quan học tập mô hình liên kết sản xuất dong riềng tại tỉnh Yên Bái. - Đào tạo, tập huấn về kỹ thuật trồng, chế biến dong riềng: - Đang xây dựng mô hình trồng dong riềng theo hướng	- Tiếp tục triển khai mô hình trình diễn trồng dong riềng theo hướng VIETGAP - Tiếp tục triển khai mô hình tổ chức liên kết sản xuất, chế biến, tiêu thụ sản phẩm - Tập huấn cho đội ngũ cán bộ Hội Liên hiệp phụ nữ tỉnh, huyện, xã về quy trình kiểm soát chất lượng, vệ sinh, ATTP; quy chế quản lý và sử dụng tem, nhãn sản phẩm bột dong và miến dong Cẩm Thủy -Xây dựng tiêu chuẩn cơ sở cho sản phẩm Bột	02/2018 - 8/2020	5626.678	1907.479	707.479	620

TT	Tên nhiệm vụ KH&CN	Tổ chức chủ trì	Mục tiêu, nội dung chính		Dự kiến kết quả đạt được	Kết quả thực hiện bước 1	Kế hoạch thực hiện tiếp theo	Thời gian thực hiện	Kinh phí (triệu đồng)			
			Mục tiêu	Nội dung					Tổng số	SNKH	Đã cấp	Cấp năm 2019
				lập -Đào tạo, tập huấn về kỹ thuật trồng, chế biến dong riềng. -Xây dựng tiêu chuẩn cơ sở cho sản phẩm Bột dong và Miến dong Cẩm Thủy. -Xây dựng sổ tay hướng dẫn kỹ thuật trồng, chăm sóc cây dong riềng; chế biến bột dong và miến dong -Xây dựng phương án nhân rộng mô hình trồng và chế biến dong riềng truyền thống	trồng dong riềng (10 ha trồng tập trung và 10 ha trồng phân tán tại các gia đình theo hướng VIETGAP). - Tiêu chuẩn cơ sở về sản phẩm bột dong và miến dong Cẩm Thủy. - Báo cáo giải pháp nhân rộng các mô hình. -Báo cáo kết quả đề tài. - Kỷ yếu hội thảo - 01 bài báo khoa học trên tạp chí chuyên ngành.	VIETGAP - Đang xây dựng mô hình tổ chức liên kết sản xuất, chế biến, tiêu thụ sản phẩm	dong và Miến dong Cẩm Thủy -Xây dựng sổ tay hướng dẫn kỹ thuật trồng, chăm sóc cây dong riềng; chế biến bột dong và miến dong -Xây dựng phương án nhân rộng mô hình trồng và chế biến dong riềng truyền thống theo chuỗi giá trị trên địa bàn tỉnh					
4.	Dự án: Ứng dụng khoa học công nghệ xây dựng mô hình chăn nuôi lợn ngoại khép kín an toàn sinh học tại huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hóa	Trạm Khuyến nông huyện Cẩm Thủy	*Mục tiêu chung:* Ứng dụng KHCN xây dựng thành công mô hình trang trại chăn nuôi lợn ngoại (Landrace) khép kín an toàn sinh học, chủ động về giống, nguyên liệu và chế biến thức ăn, sản phẩm đạt ATTP *Mục tiêu cụ thể:* - Tiếp nhận và làm chủ công	- Đào tạo 03 kỹ thuật viên cơ sở và tập huấn 50 hộ nông dân về quy trình sử dụng men vi sinh NN1 chế biến thức ăn chăn nuôi lợn (Quy trình kỹ thuật xử lý thức ăn trước khi ủ; Quy trình kỹ thuật lên men thức ăn; Quy trình sử dụng thức ăn sau khi lên men) - Xây dựng mô hình trang trại chăn	- 01 mô hình chăn nuôi lợn ngoại (Landrace) khép kín được chứng nhận cơ sở chăn nuôi an toàn sinh học: Quy mô 10 con lợn nái sinh sản, 2ha ngô, 1ha đậu tương; sản phẩm của mô hình là: 200 con lợn thịt xuất chuồng đạt trọng lượng từ 175kg/con trở lên.	- Đã thực hiện các nội dung: + Tiếp nhận và chuyển giao các quy trình kỹ thuật chế biến thức ăn từ Học viện Nông nghiệp Hà Nội + Đào tạo 03 kỹ thuật viên và tập huấn 50 nông dân về quy trình sử dụng men vi sinh NN1 chế biến thức ăn chăn nuôi lợn;	- Tiếp tục triển khai các mô hình: chăn nuôi lợn ngoại (Landrace) khép kín; Trồng Ngô và Đậu tương phục vụ chế biến thức ăn - Xây dựng Bản hướng dẫn kỹ thuật nuôi lợn ngoại (Landrace) khép kín trong trang trại, chủ động nguyên liệu chế biến thức ăn	10/2017 - 10/2019	3127.08	843.76	400.76	190

TT	Tên nhiệm vụ KH&CN	Tổ chức chủ trì	Mục tiêu, nội dung chính		Dự kiến kết quả đạt được	Kết quả thực hiện bước 1	Kế hoạch thực hiện tiếp theo	Thời gian thực hiện	Kinh phí (triệu đồng)			
			Mục tiêu	Nội dung					Tổng số	SNKH	Đã cấp	Cấp năm 2019
			nghệ sử dụng men vi sinh NNL chế biến thức ăn chăn nuôi lợn tại trang trại. - Xây dựng mô hình trang trại chăn nuôi lợn ngoại khép kín, chủ động nguyên liệu chế biến thức ăn quy mô 10 lợn nái và 200 lợn thịt được chứng nhận cơ sở chăn nuôi an toàn sinh học. - Đào tạo 3 kỹ thuật viên, tập huấn 50 hộ dân vùng dự án nắm vững kỹ thuật. - Xây dựng bản hướng dẫn quy trình kỹ thuật chăn nuôi lợn ngoại (Landrace) khép kín, chủ động nguyên liệu chế biến thức ăn theo hướng an toàn sinh học phù hợp với địa phương.	nuôi khép kín an toàn sinh học, chủ động về giống, nguyên liệu và chế biến thức ăn. + Mô hình chăn nuôi lợn ngoại (Landrace) khép kín quy mô 10 con lợn nái sinh sản, 200 con lợn thịt. + Trồng Ngô (quy mô 2 ha/1 vụ x 2 vụ/năm x 2 năm) và Đậu tương (quy mô 1 ha/1 vụ/năm x 2 năm) phục vụ chế biến thức ăn. - Xây dựng bản hướng dẫn kỹ thuật nuôi lợn ngoại (Landrace) quy mô trang trại khép kín, chủ động về giống, nguyên liệu và chế biến thức ăn tại huyện Cẩm Thủy - Xây dựng phương án sử dụng và nhân rộng kết quả dự án. - Báo cáo tổng kết dự án.	- Bản hướng dẫn kỹ thuật nuôi lợn ngoại (Landrace) khép kín trong trang trại, chủ động nguyên liệu chế biến thức ăn tại huyện Cẩm Thủy. - 03 kỹ thuật viên cơ sở được cấp chứng chỉ và 50 lượt nông dân nắm vững quy trình kỹ thuật. - Báo cáo phương án sử dụng và nhân rộng kết quả dự án. - File điện tử lưu trong USB ghi lại quá trình thực hiện dự án. - Báo cáo khoa học tổng kết dự án.	quy trình kỹ thuật chăn nuôi lợn ngoại. - Đang thực hiện các nội dung gồm: + Xây dựng mô hình chăn nuôi lợn ngoại (Landrace) khép kín quy mô 10 con lợn nái sinh sản + Trồng Ngô và Đậu tương phục vụ chế biến thức ăn.	tại Cẩm Thủy. - 03 kỹ thuật viên cơ sở được cấp chứng chỉ và 50 lượt nông dân nắm vững quy trình kỹ thuật.					
5.	Dự án: Thử nghiệm, lựa chọn bộ thuốc bảo vệ	Chi cục Bảo vệ thực vật Thanh	Mục tiêu chung: Lựa chọn được bộ thuốc BVTV có	- Điều tra bổ sung về thực trạng sử dụng thuốc BVTV có nguồn	- Báo cáo bổ sung về thực trạng sử dụng thuốc BVTV có	-Báo cáo bổ sung về thực trạng sử dụng thuốc BVTV có	Tiếp tục xây dựng 3 mô hình sản xuất rau an toàn sử dụng bộ	12/2017 - 11/2019	1255.8	797.31	239.31	390

TT	Tên nhiệm vụ KH&CN	Tổ chức chủ trì	Mục tiêu, nội dung chính		Dự kiến kết quả đạt được	Kết quả thực hiện bước 1	Kế hoạch thực hiện tiếp theo	Thời gian thực hiện	Kinh phí (triệu đồng)			
			Mục tiêu	Nội dung					Tổng số	SNKH	Đã cấp	Cấp năm 2019
	thực vật có nguồn gốc sinh học phòng trừ sâu, bệnh hại chính phục vụ sản xuất rau an toàn tập trung trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa	Hóa	nguồn gốc sinh học để phòng trừ hiệu quả sâu hại chính, bệnh hại chính phục vụ cho sản xuất rau an toàn tập trung trên địa bàn tỉnh. *Mục tiêu cụ thể:* -Lựa chọn được bộ thuốc BVTV có nguồn gốc sinh học để phòng trừ hiệu quả sâu hại chính, bệnh hại chính trên 03 nhóm rau (rau ăn lá; rau ăn củ và rau ăn quả) tại vùng sản xuất rau an toàn, tập trung của tỉnh, + Xây dựng thành công mô hình sản xuất rau có sử dụng bộ thuốc đã được lựa chọn + Xây dựng được 03 bản hướng dẫn kỹ thuật sử dụng bộ thuốc BVTV có	gốc sinh học ở 3 huyện (Lang Chánh, Hoằng Hóa, Thiệu Hóa); - Khảo sát lựa địa điểm xây dựng mô hình; - Lựa chọn bộ thuốc BVTV có nguồn gốc sinh học phòng trừ sâu bệnh hại chính cho 3 nhóm rau. Xây dựng 3 mô hình sản xuất rau an toàn sử dụng các loại thuốc trừ sâu, thuốc trừ bệnh có nguồn gốc sinh học trên 3 nhóm rau tại vùng sản xuất rau an toàn tập trung, qui mô 0,5 ha/huyện x 3 huyện; theo dõi, các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật của các mô hình - Đào tạo 10 cán bộ kỹ thuật được cấp giấy chứng nhận và tập huấn 200 lượt nông dân về kỹ thuật sử dụng thuốc BVTV có nguồn gốc sinh học	nguồn gốc sinh học ở 3 huyện; - Báo cáo kết quả khảo sát lựa chọn địa điểm xây dựng mô hình; Báo cáo phân tích lựa chọn bộ thuốc BVTV có nguồn gốc sinh học phòng trừ sâu, bệnh hại chính cho 3 nhóm rau cho vùng sản xuất rau an toàn tập trung; - 3 mô hình sản xuất sử dụng bộ thuốc BVTV nguồn gốc sinh học, quy mô 6 ha (0,5ha/huyện x 3 huyện x 4 vụ) đạt tiêu chuẩn rau an toàn. Sản phẩm: Rau ăn lá 40 tấn; Rau ăn quả 36 tấn; Rau ăn củ 40 tấn; - Báo cáo đánh giá hiệu quả kinh tế - xã hội, của các mô hình; - 10 cán bộ kỹ thuật được cấp GCN và 200 lượt nông dân thành thạo kỹ thuật sử	nguồn gốc sinh học ở 3 huyện; -Báo cáo kết quả khảo sát lựa chọn địa điểm xây dựng mô hình; - Báo cáo đánh giá, phân tích lựa chọn bộ thuốc BVTV có nguồn gốc sinh học phòng trừ sâu, bệnh hại chính cho nhóm rau ăn lá; nhóm rau ăn củ và nhóm rau ăn quả cho vùng sản xuất rau an toàn tập trung; - Xây dựng 03 mô hình sản xuất rau an toàn sử dụng bộ thuốc BVTV nguồn gốc sinh học đạt tiêu chuẩn rau an toàn, quy mô 0,5ha/huyện x 3 - Đào tạo10 cán bộ kỹ thuật được cấp giấy chứng nhận.	thuốc BVTV nguồn gốc sinh học đạt tiêu chuẩn rau an toàn, quy mô 0,5ha/huyện x 3 huyện x 4 vụ = 6 ha; - Báo cáo đánh giá hiệu quả kinh tế - xã hội, môi trường của các mô hình của dự án; - 10 cán bộ kỹ thuật được cấp giấy chứng nhận và 200 lượt nông dân vùng sản xuất rau thành thạo kỹ thuật sử dụng thuốc bảo vệ thực vật có nguồn gốc sinh học; - 3 bản hướng dẫn kỹ thuật sử dụng bộ thuốc bảo vệ thực vật lựa chọn có nguồn gốc sinh học phòng trừ sâu, bệnh hại chính cho nhóm rau ăn lá, rau ăn củ và rau ăn quả (được Sở					

TT	Tên nhiệm vụ KH&CN	Tổ chức chủ trì	Mục tiêu, nội dung chính		Dự kiến kết quả đạt được	Kết quả thực hiện bước 1	Kế hoạch thực hiện tiếp theo	Thời gian thực hiện	Kinh phí (triệu đồng)			
			Mục tiêu	Nội dung					Tổng số	SNKH	Đã cấp	Cấp năm 2019
			nguồn gốc sinh học để phòng trừ sâu, bệnh hại chính cho 3 nhóm rau + Đào tạo 10 cán bộ kỹ thuật được cấp giấy chứng nhận và tập huấn cho 200 lượt nông dân nắm vững quy trình kỹ thuật sử dụng bộ thuốc BVTV có nguồn gốc sinh học.	- Xây dựng Bản hướng dẫn kỹ thuật sử dụng bộ thuốc BVTV có nguồn gốc sinh học phòng trừ sâu bệnh hại chính cho 3 nhóm rau - Phương án nhân rộng kết quả dự án - Tuyên truyền, giới thiệu sản phẩm rau an toàn sử dụng thuốc BVTV có nguồn gốc sinh học - Báo cáo tổng hợp kết quả thực hiện dự án	dụng thuốc BVTV có nguồn gốc sinh học; - 3 bản hướng dẫn kỹ thuật sử dụng bộ thuốc BVTV lựa chọn có nguồn gốc sinh học phòng trừ sâu, bệnh hại chính cho 3 nhóm rau (được Sở NN&PTNT xác nhận); - Báo cáo phương án nhân rộng kết quả; - 3 lượt phát trên truyền hình Thanh Hóa		NN& PTNT xác nhận); - Báo cáo phương án nhân rộng kết quả dự án; - 3 lượt phát trên truyền hình Thanh Hóa					
6.	Đề tài: Nghiên cứu hệ thống giải pháp nâng cao kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động giáo dục ở bậc mầm non tỉnh Thanh Hóa.	Trường Đại học Hồng Đức	- Đánh giá được thực trạng và đề xuất được hệ thống giải pháp để nâng cao kỹ thuật ứng dụng CNTT trong tổ chức hoạt động giáo dục bậc mầm non ở tỉnh hiện nay. - Xây dựng được kho dữ liệu phục vụ cho khai thác, sử dụng trong thiết kế các hoạt động giáo dục ở	- Thực trạng kỹ năng ứng dụng CNTT trong hoạt động giáo dục ở bậc mầm non của giáo viên mầm non tỉnh Thanh Hóa - Xây dựng Kho dữ liệu phục vụ giáo dục mầm non - Thiết kế đề cương bài giảng học phần ứng dụng CNTT trong giáo dục mầm non phục vụ đào tạo kỹ năng CNTT cho hoạt động mầm non	- Báo cáo kết quả đề tài - Báo cáo tổng hợp, xử lý số liệu. - Các cáo cáo chuyên môn: + Thực trạng kỹ năng ứng dụng CNTT trong hoạt động giáo dục ở bậc mầm non của giáo viên mầm non tỉnh Thanh Hóa. + Hệ thống các giải pháp để nâng cao hiệu quả chất	- Đánh giá được thực trạng kỹ năng ứng dụng CNTT trong hoạt động giáo dục ở bậc mầm non của giáo viên mầm non tỉnh Thanh Hóa. - Xây dựng Kho dữ liệu phục vụ giáo dục mầm non: Xây dựng mới (Dữ liệu hình ảnh, Dữ liệu âm thanh); Thu thập, sưu tầm (Dữ liệu hình	- Tiếp tục xây dựng mới Kho dữ liệu phục vụ giáo dục mầm non (Dữ liệu hoạt hình Dữ liệu video. - Tổ chức Dạy thử "Chương trình bồi dưỡng kỹ năng ứng dụng CNTT trong hoạt động giáo dục ở bậc mầm non tỉnh Thanh Hóa" - Tổ chức Hội thảo: Ứng dụng	7/2017 - 6/2019	914.356	914.356	364.356	275

TT	Tên nhiệm vụ KH&CN	Tổ chức chủ trì	Mục tiêu, nội dung chính		Dự kiến kết quả đạt được	Kết quả thực hiện bước 1	Kế hoạch thực hiện tiếp theo	Thời gian thực hiện	Kinh phí (triệu đồng)			
			Mục tiêu	Nội dung					Tổng số	SNKH	Đã cấp	Cấp năm 2019
			bậc mầm non tỉnh Thanh Hóa được đăng tải trên cổng thông tin điện tử của trường Đại học Hồng đức. - Xây dựng được đề cương bài giảng học phần ứng dụng CNTT trong giáo dục mầm non phục vụ đào tạo kỹ năng CNTT cho hoạt động mầm non trong Chương trình đào tạo đại học được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. - Xây dựng được Chương trình bồi dưỡng kỹ năng ứng dụng CNTT cho giáo viên mầm non tỉnh Thanh Hóa được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.	trong Chương trình đào tạo đại học - Xây dựng chương trình bồi dưỡng kỹ năng ứng dụng CNTT trong hoạt động giáo dục ở bậc mầm non - Hội thảo: Ứng dụng CNTT trong trong hoạt động giáo dục ở bậc mầm non tỉnh Thanh Hóa. - Tổ chức dạy thực nghiệm tại 3 cơ sở giáo dục mầm non - Xây dựng các giải pháp để nâng cao kỹ năng ứng dụng CNTT trong tổ chức hoạt động giáo dục mầm non tỉnh Thanh Hóa. - Xây dựng kế hoạch sử dụng kết quả đề tài - Nghiệm thu đề tài.	lượng ứng dụng CNTT trong tổ chức hoạt động giáo dục mầm non tỉnh Thanh Hóa. - Kho dữ liệu phục vụ khai thác, sử dụng trong thiết kế các hoạt động giáo dục mầm non tỉnh Thanh Hóa. - Đề cương bài giảng học phần ứng dụng CNTT trong giáo dục mầm non phục vụ đào tạo kỹ năng CNTT cho hoạt động mầm non trong Chương trình đào tạo đại học. - Chương trình bồi dưỡng kỹ năng ứng dụng CNTT cho giáo viên mầm non. - Kế hoạch sử dụng kết quả. - 01 bài công bố kết quả nghiên cứu của đề tài	ảnh , Dữ liệu âm thanh, Dữ liệu hoạt hình, Dữ liệu video) - Đã Thiết kế đề cương bài giảng học phần ứng dụng CNTT trong giáo dục mầm non phục vụ đào tạo kỹ năng CNTT cho hoạt động mầm non trong Chương trình đào tạo đại học - Xây dựng chương trình bồi dưỡng kỹ năng ứng dụng CNTT trong hoạt động giáo dục ở bậc mầm non tỉnh Thanh Hóa - Chương trình bồi dưỡng kỹ năng ứng dụng CNTT trong hoạt động giáo dục ở bậc mầm non tỉnh Thanh Hóa - Tổ chức Hội thảo; Kỷ yếu hội thảo.	CNTT trong trong hoạt động giáo dục ở bậc mầm non tỉnh Thanh Hóa; Giải pháp nâng cao kỹ năng ứng dụng CNTT trong trong tổ chức hoạt động giáo dục mầm non tỉnh Thanh Hóa" - Tổ chức dạy thực nghiệm tại 3 cơ sở giáo dục mầm non. - Xây dựng các giải pháp để nâng cao kỹ năng ứng dụng CNTT trong tổ chức hoạt động giáo dục mầm non tỉnh Thanh Hóa. - Xây dựng kế hoạch sử dụng kết quả nghiên cứu. - Nghiệm thu đề tài					
7.	Đề tài: Nghiên cứu giải pháp nâng cao	Văn phòng UBND tỉnh	- Đánh giá được thực trạng và nhu cầu nâng cao năng	- Điều tra, thu thập thông tin về thực trạng, nhu cầu và đề xuất giải pháp	- Các báo cáo chuyên môn: + Thực trạng và nhu cầu nâng cao	- Điều tra, thu thập thông tin tại Sở GDĐT, Sở Nội vụ, UBND	- Tổ chức dạy thực nghiệm bồi dưỡng nâng cao năng lực lãnh	10/2017 - 10/2019	706.24	706.24	350	200

TT	Tên nhiệm vụ KH&CN	Tổ chức chủ trì	Mục tiêu, nội dung chính		Dự kiến kết quả đạt được	Kết quả thực hiện bước 1	Kế hoạch thực hiện tiếp theo	Thời gian thực hiện	Kinh phí (triệu đồng)			
			Mục tiêu	Nội dung					Tổng số	SNKH	Đã cấp	Cấp năm 2019
	năng lực lãnh đạo, quản lý cho hiệu trưởng các trường trung học trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục trong giai đoạn hiện nay	Thanh Hóa	lực lãnh đạo, quản lý của Hiệu trưởng các trường trung học trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa (Hiệu trưởng trường trung học) - Sưu tầm và biên tập được bộ tài liệu bồi dưỡng năng lực lãnh đạo, quản lý cho Hiệu trưởng trường trung học - Đề xuất được giải pháp nâng cao năng lực lãnh đạo, quản lý cho Hiệu trưởng các trường trung học trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục trong giai đoạn hiện nay	nâng cao năng lực lãnh đạo, quản lý của Hiệu trưởng trường trung học. + Tổng hợp số liệu điều tra, khảo sát + Xây dựng báo cáo chuyên môn: "Thực trạng và nhu cầu nâng cao năng lực lãnh đạo, quản lý của Hiệu trưởng các trường trung học trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa" và "Nguyên nhân và các yếu tố ảnh hưởng tác động đến năng lực lãnh đạo, quản lý của Hiệu trưởng các trường trung học trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa" - Nghiên cứu đề xuất các giải pháp nâng cao năng lực lãnh đạo, quản lý cho Hiệu trưởng trường trung học. - Tổ chức dạy thực nghiệm bồi dưỡng nâng cao năng lực lãnh đạo, quản lý cho Hiệu trưởng trường trung học. - Xây dựng dự	năng lực lãnh đạo, quản lý của Hiệu trưởng các trường trung học trên địa bàn tỉnh +Nguyên nhân và các yếu tố ảnh hưởng tác động đến năng lực lãnh đạo, quản lý của Hiệu trưởng các trường trung học trên địa bàn tỉnh" + Đánh giá kết quả tổ chức dạy thực nghiệm bồi dưỡng nâng cao năng lực lãnh đạo, quản lý cho Hiệu trưởng trường trung học. + Giải pháp nâng cao năng lực lãnh đạo, quản lý cho Hiệu trưởng trường trung học - Bộ tài liệu bồi dưỡng năng lực lãnh đạo, quản lý cho Hiệu trưởng trường trung học - Bản dự thảo "Đề án nâng cao năng lực lãnh đạo, quản lý cho Hiệu trưởng các trường trung học	các huyện, thị xã, thành phố - Điều tra, khảo sát hiệu trưởng (324 trường THCS và 54 trường THPT) - Tổng hợp số liệu điều tra, khảo sát - Xây dựng báo cáo: "Thực trạng và nhu cầu nâng cao năng lực lãnh đạo, quản lý của Hiệu trưởng các trường trung học trên địa bàn tỉnh" và"Nguyên nhân và các yếu tố ảnh hưởng tác động đến năng lực lãnh đạo, quản lý của Hiệu trưởng các trường trung học trên địa bàn tỉnh". - Nghiên cứu đề xuất các giải pháp nâng cao năng lực lãnh đạo, quản lý cho Hiệu trưởng trường trung học - Xây dựng báo cáo chuyên môn và Tổ chức hội	đạo, quản lý cho Hiệu trưởng trường trung học: - Tổ chức hội thảo khoa học: "Góp ý chương trình đào tạo, bồi dưỡng năng lực lãnh đạo, quản lý cho Hiệu trưởng các trường trung học trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa". - Thiết kế giáo án dạy học thực nghiệm - Tổ chức dạy thực nghiệm - Tổ chức học viên tự đánh giá sau khi hoàn thành khóa học. - Xây dựng báo cáo chuyên môn: Đánh giá kết quả tổ chức dạy thực nghiệm bồi dưỡng nâng cao năng lực lãnh đạo, quản lý cho Hiệu trưởng các trường trung học trên địa bàn tỉnh.					

TT	Tên nhiệm vụ KH&CN	Tổ chức chủ trì	Mục tiêu, nội dung chính		Dự kiến kết quả đạt được	Kết quả thực hiện bước 1	Kế hoạch thực hiện tiếp theo	Thời gian thực hiện	Kinh phí (triệu đồng)			
			Mục tiêu	Nội dung					Tổng số	SNKH	Đã cấp	Cấp năm 2019
				thảo "Đề án nâng cao năng lực lãnh đạo, quản lý cho Hiệu trưởng các trường trung học trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa" - Xây dựng báo cáo kiến nghị thực hiện các giải pháp - Xây dựng phương án sử dụng kết quả nghiên cứu	trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa" - Báo cáo kiến nghị thực hiện các giải pháp - Kỷ yếu hội thảo khoa học - Bài báo công bố kết quả nghiên cứu	thảo khoa học: "Giải pháp nâng cao năng lực lãnh đạo, quản lý cho Hiệu trưởng các trường trung học trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa" - Tổ chức dạy thực nghiệm bồi dưỡng nâng cao năng lực lãnh đạo, quản lý cho Hiệu trưởng trường trung học - Xây dựng dự thảo khung chương trình đào tạo, bồi dưỡng. - Thiết kế đề cương chi tiết học phần theo dự thảo khung chương trình - Biên tập bộ tài liệu bồi dưỡng nâng cao năng lực lãnh đạo, quản lý cho Hiệu trưởng trường trung học					
	Cộng											3170

III. Nhiệm vụ mới: 13

TT	Tên nhiệm vụ KHCN	Tổ chức chủ trì	Mục tiêu, nội dung chính		Dự kiến kết quả đạt được	Thời gian thực hiện	Kinh phí (triệu đồng)			Ghi chú
			Mục tiêu	Nội dung			Tổng số	SNKH	Cấp năm 2019	
1.	Đề tài: Nghiên cứu các biện pháp kỹ thuật canh tác và xây dựng mô hình liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ cây chanh leo (Passifloraceae) theo chuỗi giá trị tại các huyện miền núi tỉnh Thanh Hóa.	Công ty CP Phát triển nông nghiệp và khuyến nông Việt Nam	- Xây dựng được Bản hướng dẫn kỹ thuật canh tác cây chanh leo phù hợp với một số huyện miền núi tỉnh Thanh Hóa. - Triển khai thành công mô hình liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ cây chanh leo theo chuỗi giá trị, quy mô 10 ha, năng suất quả đạt 30 tấn/ha tại một số huyện miền núi tỉnh Thanh Hóa	- Điều tra thực trạng sản xuất nông nghiệp và tiềm năng phát triển cây chanh leo tại các huyện miền núi tỉnh Thanh Hóa - Tiếp nhận và hoàn thiện quy trình sản xuất chanh leo tại các huyện miền núi tỉnh Thanh Hóa - Xây dựng mô hình sản xuất chanh leo tại các huyện miền núi tỉnh Thanh Hóa. - Xây dựng mô hình liên kết tiêu thụ cây chanh leo tại Thanh Hóa. - Tổ chức tập huấn kỹ thuật trồng, chăm sóc cây chanh leo. - Xây dựng phương án sử dụng và nhân rộng kết quả của đề tài.	- Bản hướng dẫn kỹ thuật trồng cây chanh leo tại các huyện miền núi tỉnh Thanh Hóa. - Báo cáo kết quả triển khai mô hình trồng cây chanh leo tại 02 huyện Cẩm Thủy và Bá Thước. - Báo cáo kết quả triển khai mô hình liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ cây chanh leo theo chuỗi giá trị tại các huyện miền núi của tỉnh. - Bản quy chế liên kết trong sản xuất, tiêu thụ cây chanh leo tại các huyện miền núi của tỉnh. - Báo cáo phương án sử dụng và nhân rộng kết quả đề tài. - Bài báo về kết quả nghiên cứu. - Báo cáo tổng kết đề tài.	30 tháng	4225.08	1604.98 (trong đó khoán chi 939.46)	564.98	- Không thu hồi. - Kết luận thẩm định số 346 ngày 16/4/2019 của Giám đốc Sở KH&CN
2.	Dự án: Nghiên cứu hoàn thiện dây chuyền công nghệ thiết bị tự động sản xuất đèn Led phục vụ quảng cáo, truyền thông và trang trí đô thị tại Thanh Hóa	Công ty TNHH Quảng cáo điện tử ABC	- Hoàn thiện được dây chuyền công nghệ thiết bị tự động và quy trình sản xuất đèn Led với công suất 25.000 bóng đèn Led đơn/giờ. - Sản xuất được 3 triệu bóng đèn Led với 50 mẫu sản phẩm đạt tiêu chuẩn IP66.	-Điều tra, khảo sát tình hình sử dụng đèn Led và nhu cầu đèn Led cho quảng cáo, truyền thông và trang trí đô thị tại Thanh Hóa. - Nghiên cứu hoàn thiện dây chuyền công nghệ thiết bị tự động sản xuất đèn Led, công suất từ 10.000 bóng đèn Led đơn/giờ lên 25.000 bóng đèn Led đơn/giờ. - Lắp đặt dây chuyền công nghệ thiết bị tự động SX đèn Led công suất 25.000 bóng Led đơn/giờ - Tổ chức sản xuất thử, điều chỉnh các thông số kỹ thuật -Tổ chức sản xuất đèn Led vận hành liên tục để ổn định công nghệ, ổn định chất lượng -Xây dựng hồ sơ đăng ký quyền sở hữu trí tuệ -Xây dựng phương án sản xuất	- Bản thiết kế dây chuyền công nghệ thiết bị tự động sản xuất đèn Led công suất 25.000 bóng đèn Led đơn/giờ. - Quy trình sản xuất đèn Led sử dụng dây chuyền công nghệ thiết bị tự động. - 3 triệu bóng đèn Led cho 50 loại mẫu sản phẩm, trong đó: + 01 triệu bóng đèn (từ kết quả sản xuất thử, tỷ lệ thành công khoảng 40%) + 02 triệu bóng đèn (từ kết quả vận hành liên tục để ổn định công nghệ) - Giấy xác nhận 50 mẫu sản phẩm đèn Led đạt tiêu chuẩn IP66. - Báo cáo phương án sản xuất kinh doanh phát triển thị trường	18 tháng	11564.51	2913.9 (trong đó khoán chi 558.53)	1019.9	- Không thu hồi. - Kết luận thẩm định số 323 ngày 08/4/2019 của Giám đốc Sở KH&CN

TT	Tên nhiệm vụ KHCN	Tổ chức chủ trì	Mục tiêu, nội dung chính		Dự kiến kết quả đạt được	Thời gian thực hiện	Kinh phí (triệu đồng)			Ghi chú
			Mục tiêu	Nội dung			Tổng số	SNKH	Cấp năm 2019	
				kinh doanh, phát triển thị trường sản phẩm đèn Led	sản phẩm đèn Led					
3.	Dự án: Ứng dụng công nghệ sản xuất nông nghiệp thông minh, xây dựng mô hình ương giống và nuôi thương phẩm cá Chẽm (Lates calcalrifer (Bloch,1790) theo chuỗi giá trị đạt tiêu chuẩn VietGAP quy mô công nghiệp tại Thanh Hóa	Công ty TNHH DV và TM Trường Giang	- Tiếp nhận và làm chủ được công nghệ ương giống cá Chẽm trong nhà mái che và quy trình nuôi thương phẩm cá chẽm theo quy trình VietGap. - Ứng dụng công nghệ sản xuất nông nghiệp thông minh, xây dựng thành công mô hình ương giống cá Chẽm trong nhà mái che quy mô 1000 m2, từ giai đoạn giống cấp I (2-3 cm) lên giống cấp II (8-9 cm); tỷ lệ sống ≥ 60%; Mô hình nuôi thương phẩm cá Chẽm trong ao theo quy trình VietGap có quy mô 3,8 ha với năng suất ≥15 tấn/ha/vụ, kích cỡ cá≥1 kg. - Triển khai thành công mô hình liên kết theo chuỗi giá trị từ ương giống đến nuôi thương phẩm và bao tiêu sản phẩm. - Sản xuất và tiêu thụ được 60 tấn cá Chẽm thương phẩm được chứng nhận đạt tiêu chuẩn VietGap.	-Chuyển giao, tiếp nhận, đào tạo, tập huấn các quy trình công nghệ ương giống cá Chẽm trong nhà mái che và quy trình nuôi thương phẩm cá Chẽm theo quy trình VietGap. - Xây dựng mô hình ương giống cá Chẽm - Xây dựng mô hình nuôi thương phẩm cá Chẽm - Triển khai mô hình liên kết theo chuỗi giá trị từ ương giống đến nuôi thương phẩm và tiêu thụ cá Chẽm. - Hoàn thiện hướng dẫn kỹ thuật ương giống và nuôi thương phẩm cá Chẽm - Tập huấn kỹ thuật nuôi thương phẩm cá Chẽm cho nông dân - Xây dựng phương án sử dụng, nhân rộng kết quả dự án	- Quy trình kỹ thuật ương giống cá Chẽm trong nhà mái che từ cỡ cá 2-3 cm lên cỡ cá 8-9 cm. - Quy trình kỹ thuật nuôi thương phẩm cá Chẽm theo tiêu chuẩn VietGap. - Mô hình ương giống cá Chẽm trong nhà mái che quy mô 1000 m2, từ giai đoạn giống cấp I (2-3 cm) lên giống cấp II (8-9 cm); tỷ lệ sống đạt ≥ 60% (Báo cáo kết quả mô hình kèm theo đĩa DVD ghi quá trình triển khai) - Mô hình nuôi thương phẩm cá Chẽm trong ao theo quy trình VietGap có qui mô 3,8 ha, năng suất ≥15 tấn/ha/vụ (Báo cáo kết quả mô hình kèm theo đĩa DVD ghi quá trình triển khai) - Báo cáo kết quả mô hình liên kết theo chuỗi giá trị từ ương giống đến nuôi thương phẩm và bao tiêu sản phẩm cá Chẽm. - 60 tấn cá Chẽm, cỡ cá ≥ 1,0 kg đảm bảo vệ sinh ATTP, được chứng nhận VietGAP. -Báo cáo phương án sử dụng kết quả dự án được UBND huyện Hoằng Hóa thông qua	24 tháng	9237.46	2658.76 (trong đó khoán chi 743.36)	930.76	- Không thu hồi. - Kết luận thẩm định số 324 ngày 08/4/2019 của Giám đốc Sở KH&CN
4.	Dự án: Hoàn thiện công nghệ, thiết bị tái chế rác thải nhựa sản xuất sản	Công ty CP Đầu tư phát triển công nghệ	- Nghiên cứu, hoàn thiện được công nghệ, thiết bị tái chế rác thải nhựa PVC sản xuất sản phẩm nhựa phục vụ nông nghiệp, công nghiệp, xây dựng đảm bảo không gây	-Nghiên cứu, hoàn thiện quy trình công nghệ, thiết bị tái chế rác thải nhựa PVC. - Lắp đặt máy móc, thiết bị, dây chuyền sản xuất tái chế rác thải nhựa với quy mô công suất	- Quy trình công nghệ tái chế rác thải nhựa PVC sản xuất các sản phẩm nhựa: ống nước, phào chỉ, ống gen, tấm giả gỗ, tấm giả đá ốp lát. - 300 tấn sản phẩm nhựa, gồm:	18 tháng	16168.99	3056.87 (trong đó khoán chi 466.89)	1069.87	- Không thu hồi - Kết luận thẩm định số 322 ngày 08/

TT	Tên nhiệm vụ KHCN	Tổ chức chủ trì	Mục tiêu, nội dung chính		Dự kiến kết quả đạt được	Thời gian thực hiện	Kinh phí (triệu đồng)			Ghi chú
			Mục tiêu	Nội dung			Tổng số	SNKH	Cấp năm 2019	
	phẩm nhựa phục vụ nông nghiệp, công nghiệp và xây dựng	Tân Thanh Phương	ô nhiễm môi trường, gồm: + Hoàn thiện được quy trình tái chế rác thải nhựa PVC sản xuất ống nước có hàm lượng nhựa nguyên sinh tối thiểu 75%, đạt chất lượng theo QCVN 16:2017/BXD + Xây dựng được các quy trình tái chế rác thải nhựa PVC sản xuất sản phẩm nhựa (gồm: phào chỉ, ống gen, tấm giả gỗ, tấm giả đá ốp lát) đảm bảo nhựa PVC tái sinh có hàm lượng nhựa nguyên sinh tối thiểu 75%. - Sản xuất 300 tấn sản phẩm nhựa (150 tấn ống nước đạt chất lượng theo QCVN 16:2017/BXD; 150 tấn phào chỉ, ống gen, tấm giả gỗ, tấm giả đá ốp lát)	2500 tấn sản phẩm/năm. - Vận hành chạy thử nghiệm nhà máy sản xuất tái chế rác thải nhựa công suất 2500 tấn sản phẩm/năm -Xây dựng bản công bố chất lượng sản phẩm: phào chỉ, ống gen, tấm giả gỗ, tấm giả đá ốp lát -Xây dựng phương án sử dụng kết quả dự án.	+ 100 tấn sản phẩm 2 lần sản xuất thử (dự kiến 50% - 60% thành công): 70 tấn ống nước ; 10 tấn phào chỉ; 10 tấn ống gen; 5 tấn tấm nhựa giả gỗ; 5 tấn tấm nhựa giả đá + 200 tấn sản phẩm kết quả vận hành chạy thử nghiệm nhà máy (80 tấn ống nước, 40 tấn phào chỉ, 40 tấn ống gen, 20 tấn tấm giả gỗ, 20 tấn tấm giả đá ốp lát). - Giấy chứng nhận chất ống nước đạt QCVN 16 :2017/BXD - Bản công bố chất lượng sản phẩm: phào chỉ, ống gen, tấm giả gỗ, tấm giả đá ốp lát. - Phương án sử dụng kết quả dự án. - Báo cáo kết quả dự án					4/2019 của Giám đốc Sở KH&CN
5.	Ứng dụng khoa học công nghệ xây dựng mô hình sản xuất giống và nuôi thương phẩm gà Tai đỏ (Gallus gallus Linnaeus, 1758) theo quy trình VietGAHP trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.	Công ty CP Đầu tư và và thương mại Tấn Lộc Phát – Chi nhánh Thanh Hóa	- Tiếp nhận, làm chủ được các quy trình công nghệ về sản xuất giống và nuôi thương phẩm gà Tai đỏ (Gallus gallus Linnaeus, Linnaeus 1758). - Xây dựng và đánh giá hiệu quả của mô hình thử nghiệm sản xuất giống, nuôi thương phẩm gà Tai đỏ (Gallus gallus Linnaeus, 1758) theo quy trình VietGAHP. - Xây dựng được bản hướng dẫn xây dựng mô hình sản xuất giống và nuôi	- Lựa chọn địa điểm, chọn hộ tham gia xây dựng mô hình: Xác lập tiêu chí và tổ chức điều tra, khảo sát tại 2 huyện (Hoằng Hóa, Đông Sơn) để lựa chọn địa điểm, lựa chọn hộ tham gia xây dựng mô hình. - Chuyển giao, tiếp nhận các quy trình kỹ thuật - Xây dựng mô hình chăn nuôi gà Tai đỏ sinh sản (300 mái, 60 trống) theo quy trình VietGAHP - Xây dựng mô hình chăn nuôi gà Tai đỏ thương phẩm (01 mô hình, 4000 con/2 năm) theo quy trình VietGAHP	- Báo cáo kết quả tiếp nhận các quy trình kỹ thuật. - Báo cáo đánh giá hiệu quả mô hình thử nghiệm chăn nuôi gà Tai đỏ sinh sản theo quy trình VietGAHP. - Báo cáo đánh giá hiệu quả mô hình thử nghiệm chăn nuôi gà Tai đỏ thương phẩm theo tiêu chuẩn VietGAHP. -10 kỹ thuật viên làm chủ được các quy trình sản xuất giống, nuôi thương phẩm gà Tai đỏ; 100 lượt nông dân được tập huấn xây dựng mô hình sản xuất giống, nuôi thương phẩm gà Tai đỏ.	24 tháng	6111.01	1585.93 (trong đó khoán chi 904.94)	585.93	- Không thu hồi - Kết luận thẩm định số 351 ngày 16/ 4/2019 của Giám đốc Sở KH&CN

TT	Tên nhiệm vụ KHCN	Tổ chức chủ trì	Mục tiêu, nội dung chính		Dự kiến kết quả đạt được	Thời gian thực hiện	Kinh phí (triệu đồng)			Ghi chú
			Mục tiêu	Nội dung			Tổng số	SNKH	Cấp năm 2019	
			thương phẩm gà Tai đỏ theo quy trình VietGAHP. - Có 10 kỹ thuật viên làm chủ được các quy trình sản xuất giống, nuôi thương phẩm gà Tai đỏ (Gallus gallus Linnaeus, 1758); 100 lượt nông dân được tập huấn xây dựng mô hình sản xuất giống, nuôi thương phẩm gà Tai đỏ (Gallus gallus Linnaeus, 1758).	+ Xây dựng bản hướng dẫn xây dựng mô hình sản xuất giống và nuôi thương phẩm gà Tai đỏ theo quy trình VietGAHP - Tập huấn xây dựng mô hình sản xuất giống và nuôi thương phẩm gà Tai đỏ theo quy trình VietGAHP cho người dân - Xây dựng phương án nhân rộng mô hình sản xuất giống và nuôi thương phẩm gà Tai đỏ theo quy trình VietGAHP	- 10.400 con giống gà Tai đỏ đạt tiêu chuẩn giống. - 4000 con thương phẩm, khối lượng ≥ 0,9 kg/con, 3,6 tấn gà thịt đạt tiêu chuẩn VietGAHP. - Bản hướng dẫn xây dựng mô hình sản xuất giống và nuôi thương phẩm gà Tai đỏ theo quy trình VietGAHP phù hợp với điều kiện của địa phương. - Đĩa DVD ghi lại quá trình triển khai thực hiện dự án. - Báo cáo tổng kết dự án.				
6.	Đề tài: Nghiên cứu giải pháp phát triển đội ngũ nữ cán bộ lãnh đạo, quản lý cấp xã trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa	Trường Chính trị tỉnh Thanh Hóa	- Đánh giá được thực trạng và các yếu tố ảnh hưởng đến phát triển đội ngũ nữ cán bộ lãnh đạo, quản lý (LĐQL) cấp xã trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2015 - 2019. - Đề xuất được hệ thống giải pháp đồng bộ, đột phá, khả thi để phát triển đội ngũ nữ cán bộ LĐQL cấp xã trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.	- Đánh giá thực trạng và các yếu tố ảnh hưởng đến phát triển đội ngũ nữ cán bộ LĐQL cấp xã trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2015-2019. + Điều tra, khảo sát, thu thập thông tin tại 27 huyện, thị, thành phố. + Điều tra, khảo sát tại các xã thuộc 12 huyện, thị + Tổng hợp số liệu điều tra, khảo sát. + Viết 2 báo cáo chuyên môn + Tổ chức hội thảo khoa học. - Nghiên cứu giải pháp phát triển đội ngũ cán bộ nữ LĐQL cấp xã trên địa bàn tỉnh. + Báo cáo chuyên môn: Giải pháp phát triển đội ngũ nữ cán bộ LĐQL cấp xã trên địa bàn tỉnh. + Hội thảo khoa học - Thu thập thông tin nội dung có liên quan về đào tạo, tập huấn; bình đẳng giới, đào tạo nâng cao năng lực, kỹ năng cho cán bộ nữ cấp xã.	- Báo cáo chuyên môn: + Thực trạng phát triển đội ngũ nữ cán bộ LĐQL cấp xã trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2015-2019. + Các yếu tố ảnh hưởng đến phát triển cán bộ nữ LĐQL cấp xã. + Giải pháp phát triển đội ngũ nữ cán bộ LĐQL cấp xã trên địa bàn tỉnh. - Tài liệu bồi dưỡng cao kiến thức về bình đẳng giới và công tác cán bộ nữ ở cấp xã trên địa bàn tỉnh. - Sách chuyên khảo được xuất bản: Một số kỹ năng dành cho nữ cán bộ LĐQL cấp xã - Báo cáo phương án sử dụng kết quả. - 01 bài công bố kết quả nghiên cứu	18 tháng	1075.64	1075.64 (trong đó khoán chi 894.14)	376.64	- Không thu hồi - Kết luận thẩm định số 338 ngày 10/4/2019 của Giám đốc Sở KH&CN

TT	Tên nhiệm vụ KHCN	Tổ chức chủ trì	Mục tiêu, nội dung chính		Dự kiến kết quả đạt được	Thời gian thực hiện	Kinh phí (triệu đồng)			Ghi chú
			Mục tiêu	Nội dung			Tổng số	SNKH	Cấp năm 2019	
				+ Xây dựng khung chương trình và biên soạn tài liệu bồi dưỡng nâng cao kiến thức về bình đẳng giới và công tác cán bộ nữ ở cấp xã trên địa bàn tỉnh. + Xây dựng tài liệu bồi dưỡng, gồm 10 chuyên đề + Hội thảo khoa học. + Tổ chức dạy thử chương trình đào tạo, bồi dưỡng. - Biên soạn, hoàn thiện và in ấn sách chuyên khảo: "Một số kỹ năng dành cho cán bộ nữ LĐQL cấp xã". - Xây dựng kế hoạch sử dụng kết quả nghiên cứu					
7.	Đề tài: Nghiên cứu xây dựng mô hình du lịch cộng đồng ở vùng ven biển tỉnh Thanh Hóa phục vụ phát triển bền vững kinh tế xã hội	Trường Đại học Hồng Đức	- Đánh giá được tiềm năng phát triển du lịch cộng đồng tại vùng ven biển tỉnh Thanh Hóa. - Xây dựng mô hình lý thuyết về du lịch cộng đồng vùng ven biển tỉnh Thanh Hóa và ứng dụng 02 mô hình thực nghiệm. - Đề xuất giải pháp nhân rộng mô hình du lịch cộng đồng vùng ven biển Thanh Hóa theo hướng bền vững.	- Đánh giá tiềm năng phát triển du lịch cộng đồng tại vùng ven biển tỉnh Thanh Hóa. + Thu thập nguồn tư liệu về tài nguyên du lịch tự nhiên; tài nguyên du lịch nhân văn; văn hóa ẩm thực; hệ thống các di tích lịch sử văn hóa; nghề thủ công truyền thống; tôn giáo, tín ngưỡng; lễ hội; nguồn lực phục vụ phát triển du lịch cộng đồng tại các huyện ven biển Thanh Hóa. + Điều tra, khảo sát tiềm năng phát triển du lịch; nhu cầu phát triển du lịch cộng động; công tác quản lý hoạt động du lịch ở các huyện, xã; cơ sở lưu trú, dịch vụ, kỹ năng làm du lịch của người dân, giải pháp phát triển du lịch cộng đồng... + Điều tra, khảo sát tiềm năng phát triển du lịch; nhu cầu phát triển du	- Báo cáo chuyên môn: + Tiềm năng phát triển du lịch cộng đồng ở vùng ven biển Thanh Hóa. + Kinh nghiệm trong việc xây dựng mô hình du lịch cộng đồng ở nước ngoài và Việt Nam. + Tiêu chí lựa chọn các điểm có tiềm năng phát triển du lịch cộng đồng ở vùng ven biển tỉnh Thanh Hóa. + Báo cáo mô hình du lịch cộng đồng tại vùng ven biển Thanh Hóa (Mô hình lý thuyết). + Kết quả thực nghiệm 2 mô hình tại vùng ven biển tỉnh Thanh Hóa. + Giải pháp phát nhân rộng mô hình du lịch cộng đồng tại vùng ven biển Thanh Hoá theo hướng	24 tháng	1157.225	1157.225 (trong đó khoán chi từng phần 1157.225)	404.225	- Không thu hồi - Kết luận thẩm định số 279 ngày 26/3/2019 của Giám đốc Sở KH&CN

TT	Tên nhiệm vụ KHCN	Tổ chức chủ trì	Mục tiêu, nội dung chính		Dự kiến kết quả đạt được	Thời gian thực hiện	Kinh phí (triệu đồng)			Ghi chú
			Mục tiêu	Nội dung			Tổng số	SNKH	Cấp năm 2019	
				lịch cộng đồng; kiến thức làm du lịch, kỹ năng làm du lịch, thái độ phục vụ du lịch… + Điều tra, khảo sát về nhu cầu tham gia du lịch vùng ven biển Thanh Hóa (khách nội địa và khách quốc tế), cơ sở lưu trú, tiện nghi, dịch vụ,... + Điều tra, khảo sát nhu cầu khai thác tuyến điểm du lịch cộng đồng của các công ty lữ hành. + Tổng hợp số liệu. + Viết báo cáo chuyên môn: Tiềm năng phát triển du lịch cộng đồng ở vùng ven biển Thanh Hóa + Tổ chức Hội thảo - Thu thập tài liệu, nghiên cứu khảo sát thực tế về kinh nghiệm trong việc xây dựng mô hình du lịch cộng đồng. - Lựa chọn các điểm có tiềm năng phát triển du lịch cộng đồng ở vùng ven biển tỉnh Thanh Hóa - Xây dựng mô hình lý thuyết và triển khai 2 mô hình thực nghiệm tại vùng ven biển. Viết báo cáo chuyên môn: Kết quả thực nghiệm 2 mô hình tại vùng ven biển tỉnh Thanh Hóa. - Xây dựng sơ đồ khai thác tuyến điểm du lịch cộng đồng tại vùng ven biển tỉnh Thanh Hóa - Nghiên cứu giải pháp nhân rộng mô hình du lịch cộng đồng tại vùng ven biển Thanh Hoá theo hướng bền vững. - Xây dựng kế hoạch sử dụng kết quả nghiên cứu	bền vững. + Sơ đồ khai thác tuyến điểm du lịch cộng đồng tại vùng ven biển tỉnh Thanh Hóa - Báo cáo kế hoạch sử dụng kết quả. - 01 bài công bố kết quả nghiên cứu				

TT	Tên nhiệm vụ KHCN	Tổ chức chủ trì	Mục tiêu, nội dung chính		Dự kiến kết quả đạt được	Thời gian thực hiện	Kinh phí (triệu đồng)			Ghi chú
			Mục tiêu	Nội dung			Tổng số	SNKH	Cấp năm 2019	
8.	Đề tài: Xây dựng hệ thống giám sát, cảnh báo và điều khiển thông số môi trường ao nuôi trồng thủy sản trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa	Trường Đại học Hồng Đức	*Mục tiêu chung:* Nghiên cứu và xây dựng được hệ thống giám sát, cảnh báo và điều khiển một số thông số môi trường ao nuôi trồng thủy sản trên địa bàn tỉnh. *Mục tiêu cụ thể:* - Thiết kế được mô hình hệ thống giám sát, cảnh báo và điều khiển một số thông số môi trường ao nuôi trồng thủy sản; - Triển khai mô hình thành công cho 01 điểm nuôi tôm tại huyện Tĩnh Gia.	- Điều tra, khảo sát các vùng nuôi trồng thủy sản trên địa bàn tỉnh - Nghiên cứu xây dựng Bản thiết kế mô hình hệ thống giám sát, cảnh báo và điều khiển thông số môi trường ao nuôi thủy sản. - Xây dựng phần mềm cho hệ thống giám sát, cảnh báo và điều khiển một số thông số môi trường ao nuôi trồng thủy sản - Lắp đặt, vận hành thử nghiệm và kiểm thử toàn bộ chức năng hệ thống - Xây dựng hồ sơ đăng ký giải pháp hữu ích - Xây dựng phương án sử dụng kết quả nghiên cứu của đề tài - Viết báo cáo tổng kết, nghiệm thu đề tài	- Bản thiết kế và danh mục các thiết bị kèm theo các thông số kỹ thuật của hệ thống giám sát, cảnh báo và điều khiển một số thông số môi trường ao nuôi trồng thủy sản; - Phần mềm sử dụng trên máy tính trung tâm, trên nền Web và Mobile (hệ điều hành android) chức năng: + Giám sát các thông số: DO; Nhiệt độ; Độ mặn; pH; Hàm lượng chất rắn lơ lửng; Độ đục; mầu sắc tôm, kích thước của tôm + Cảnh báo sự vượt ngưỡng của các thông số: DO, Nhiệt độ, Độ mặn, pH, Hàm lượng chất rắn lơ lửng, Độ đục; tốc độ sinh trưởng, phát triển của tôm. + Điều khiển tự động DO (thông qua điều khiển hệ thống máy sục oxy, máy bơm và quạt nước). + Lưu trữ dữ liệu kết quả đo trên máy tính trung tâm để phân tích, cải tiến cho vụ nuôi sau; - 01 Hệ thống (bao gồm phần cứng và phần mềm) lắp đặt tại ao nuôi tôm quy mô 5000m^2 - Giấy xác nhận nộp đơn đăng ký giải pháp hữu ích; - Phương án sử dụng kết quả nghiên cứu của đề tài; - Bài báo về kết quả của đề tài.	24 tháng	1790.67	1588.2 (trong đó khoán chi 341.2)	555.2	- Không thu hồi - Kết luận thẩm định số 355 ngày 16/ 4/2019 của Giám đốc Sở KH&CN
9.	Đề tài: Nghiên cứu giải pháp nâng cao hiệu quả giáo dục hướng nghiệp	Trường Đại học Hồng Đức	- Đánh giá được thực trạng giáo dục hướng nghiệp tại các trường trung học phổ thông trên địa bàn tỉnh. - Đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả giáo dục	- Đánh giá thực trạng giáo dục hướng nghiệp tại các trường trung học phổ thông trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa - Nghiên cứu nhu cầu phát triển ngành nghề của quốc gia và	- Danh mục việc làm gắn với nhu cầu phát triển các ngành nghề của quốc gia và Thanh Hóa đến năm 2025; - Cẩm nang hướng nghiệp cho học sinh THPT tỉnh Thanh Hóa;	18 tháng	1077.08	1077.08 (trong đó khoán chi từng phần 1077.08)	377.08	- Không thu hồi - Kết luận thẩm định số 354 ngày 16/

TT	Tên nhiệm vụ KHCN	Tổ chức chủ trì	Mục tiêu, nội dung chính		Dự kiến kết quả đạt được	Thời gian thực hiện	Kinh phí (triệu đồng)			Ghi chú
			Mục tiêu	Nội dung			Tổng số	SNKH	Cấp năm 2019	
	cho học sinh Trung học phổ thông trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa		hướng nghiệp cho học sinh THPT trên địa bàn tỉnh phù hợp với nhu cầu phát triển ngành nghề của quốc gia và Thanh Hóa đến năm 2025. - Xây dựng mô hình lí thuyết và ứng dụng 01 mô hình thực nghiệm.	Thanh Hóa đến năm 2025 và Thông tin ngành nghề đào tạo tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa - Nghiên cứu giải pháp nâng cao hiệu quả giáo dục hướng nghiệp cho học sinh THPT trên địa bàn tỉnh phù hợp với xu hướng phát triển ngành nghề của quốc gia và Thanh Hóa đến năm 2025 - Xây dựng phương án sử dụng kết quả đề tài - Viết báo cáo tổng kết, nghiệm thu đề tài	- Báo cáo xây dựng mô hình giáo dục hướng nghiệp cho học sinh THPT trên địa bàn tỉnh gắn với nhu cầu phát triển ngành nghề của quốc gia và Thanh Hóa đến năm 2025; - Giải pháp nâng cao hiệu quả giáo dục hướng nghiệp cho học sinh THPT trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa gắn với nhu cầu phát triển ngành nghề của quốc gia và Thanh Hóa đến năm 2025; - Phương án sử dụng kết quả nghiên cứu của đề tài.					4/2019 của Giám đốc Sở KH&CN
10.	Đề tài: Các giải pháp cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh tại Khu kinh tế Nghi Sơn và các khu công nghiệp tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2020-2025	Học viện Tài chính	- Đánh giá thực trạng môi trường đầu tư kinh doanh tại Khu kinh tế (KTT) Nghi Sơn và các Khu công nghiệp (KCN) tỉnh Thanh Hóa hiện nay - Đề xuất một số giải pháp cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh tại KKT Nghi sơn và các KCN tỉnh Thanh Hóa hiện nay	- Điều tra, khảo sát, đánh giá thực trạng môi trường đầu tư kinh doanh tại KKT Nghi Sơn và các KCN tỉnh Thanh Hóa hiện nay - Nghiên cứu các nhân tố tác động đến môi trường đầu tư kinh doanh tại KKT Nghi Sơn và các KCN tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2020-2025 - Xây dựng bộ chỉ tiêu đánh giá mức độ cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh tại KKT Nghi Sơn và các KCN tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2020-2025 - Nghiên cứu hệ thống giải pháp cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh tại khu kinh tế Nghi Sơn và các KCN tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2020-2025 - Triển khai một số giải pháp cụ thể tại KKT Nghi Sơn và các KCN tỉnh Thanh Hóa - Xây dựng phương án sử dụng	- Báo cáo chuyên môn: + Thực trạng về hạ tầng kỹ thuật – xã hội tại KKT Nghi Sơn và các KCN tỉnh Thanh Hóa hiện nay; + Tình hình quản lý, điều hành và hiệu quả của các chính sách ưu đãi đầu tư được triển khai tại KKT Nghi Sơn và các KCN tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2015-2018; + Đánh giá môi trường đầu tư kinh doanh tại KKT Nghi Sơn và các KCN tỉnh Thanh Hóa đang được áp dụng giai đoạn 2015-2019 của các doanh nghiệp/dự án trong và ngoài nước. - Hệ thống nhân tố tác động đến môi trường đầu tư kinh doanh tại KKT Nghi Sơn và các KCN tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2020-2025; - Bộ chỉ tiêu đánh giá mức độ cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh tại KKT Nghi Sơn và các KCN tỉnh Thanh Hóa giai đoạn	15 tháng	1028.64	1028.64 (trong đó khoán chi từng phần 1028.64)	358.64	- Không thu hồi - Kết luận thẩm định số 338 ngày 10/4/2019 của Giám đốc Sở KH&CN

TT	Tên nhiệm vụ KHCN	Tổ chức chủ trì	Mục tiêu, nội dung chính		Dự kiến kết quả đạt được	Thời gian thực hiện	Kinh phí (triệu đồng)			Ghi chú
			Mục tiêu	Nội dung			Tổng số	SNKH	Cấp năm 2019	
				kết quả nghiên cứu của đề tài - Viết báo cáo tổng kết, nghiệm thu đề tài	2020-2025; - Hệ thống giải pháp cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh tại KKT Nghi Sơn và các KCN tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2020-2025 - Báo cáo triển khai một số giải pháp tại KKT Nghi Sơn và các KCN tỉnh Thanh Hóa; - Phương án sử dụng kết quả nghiên cứu của đề tài; - Bài báo kết quả nghiên cứu.					
11.	Đề tài: Giải pháp nâng cao khả năng tiếp cận và sử dụng hiệu quả các dịch vụ tài chính vi mô cho phụ nữ nghèo và cận nghèo nông thôn tỉnh Thanh Hóa.	Trường Đại học Hồng Đức	- Đánh giá được thực trạng cung cấp các dịch vụ tài chính vi mô (cho vay, tiết kiệm, dịch vụ thanh toán, bảo hiểm...) cho phụ nữ nghèo và cận nghèo trên địa bàn tỉnh. - Đánh giá được thực trạng tiếp cận và sử dụng hiệu quả các dịch vụ tài chính vi mô (TCVM) của phụ nữ nghèo và cận nghèo nông thôn tỉnh Thanh Hóa. - Đề xuất giải pháp nâng cao khả năng tiếp cận và sử dụng hiệu quả các dịch vụ TCVM cho phụ nữ nghèo và cận nghèo nông thôn tỉnh Thanh Hóa.	- Đánh giá thực trạng cung cấp các dịch vụ TCVM cho phụ nữ nghèo và cận nghèo trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa. - Đánh giá thực trạng tiếp cận và sử dụng hiệu quả các dịch vụ TCVM của phụ nữ nghèo và cận nghèo nông thôn tỉnh Thanh Hóa - Nghiên cứu bài học kinh nghiệm về hoạt động TCVM hỗ trợ phụ nữ phát triển kinh tế giảm nghèo bền vững. - Nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến khả năng tiếp cận và sử dụng hiệu quả các dịch vụ TCVM cho phụ nữ nghèo và cận nghèo nông thôn Thanh Hóa - Nghiên cứu đề xuất các giải pháp nâng cao khả năng tiếp cận và sử dụng hiệu quả các dịch vụ TCVM cho phụ nữ nghèo và cận nghèo nông thôn tỉnh Thanh Hóa - Xây dựng và biên tập Bộ tài liệu "Cẩm nang kiến thức, kỹ năng tiếp cận và sử dụng các dịch vụ TCVM cho phụ nữ nông thôn	- Cẩm nang kiến thức, kỹ năng tiếp cận và sử dụng các dịch vụ TCVM cho phụ nữ nông thôn trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá. - Báo cáo thực trạng cung cấp các dịch vụ TCVM cho phụ nữ nghèo và cận nghèo trên địa bàn tỉnh - Báo cáo thực trạng tiếp cận và sử dụng hiệu quả các dịch vụ TCVM của phụ nữ nghèo và cận nghèo nông thôn của tỉnh. - Báo cáo về bài học kinh nghiệm về hoạt động TCVM hỗ trợ phụ nữ phát triển kinh tế giảm nghèo bền vững. - Báo cáo về các nhân tố ảnh hưởng đến khả năng tiếp cận và sử dụng hiệu quả các dịch vụ TCVM cho phụ nữ nghèo và cận nghèo nông thôn tỉnh Thanh Hóa. - Báo cáo về giải pháp nâng cao khả năng tiếp cận và sử dụng hiệu quả các dịch vụ TCVM cho phụ nữ nghèo và cận nghèo nông thôn tỉnh Thanh Hóa. - Báo cáo hiệu quả mô hình tiếp	24 tháng	1156.062	1156.062 (trong đó khoán chi 1004.312)	406.062	- Không thu hồi - Kết luận thẩm định số 382 ngày 23/4/2019 của Giám đốc Sở KH&CN

TT	Tên nhiệm vụ KHCN	Tổ chức chủ trì	Mục tiêu, nội dung chính		Dự kiến kết quả đạt được	Thời gian thực hiện	Kinh phí (triệu đồng)			Ghi chú
			Mục tiêu	Nội dung			Tổng số	SNKH	Cấp năm 2019	
				trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa" - Xây dựng mô hình tiếp cận và sử dụng hiệu quả các dịch vụ TCVM cho phụ nữ nghèo và cận nghèo nông thôn. - Xây dựng phương án sử dụng kết quả đề tài	cận và sử dụng hiệu quả các dịch vụ TCVM cho phụ nữ nghèo và cận nghèo nông thôn. - Phương án sử dụng kết quả của đề tài. - Bài báo kết quả của đề tài.					
12.	Đề tài: Nghiên cứu giải pháp thu hút khách du lịch quốc tế đến với tỉnh Thanh Hóa.	Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch	- Đánh giá thực trạng và tiềm năng thu hút khách du lịch quốc tế đến với tỉnh Thanh Hóa; - Xây dựng các giải pháp khả thi để thu hút khách du lịch đến với tỉnh Thanh Hóa.	- Đánh giá thực trạng và tiềm năng thu hút khách quốc tế ở tỉnh Thanh Hóa. + Điều tra, khảo sát, thu thập thông tin + Lấy ý kiến các chuyên gia lĩnh vực du lịch về đánh giá các điểm tiềm năng thu hút khách du lịch quốc tế + Khảo sát, điền dã tại 20 điểm được đánh giá tiềm năng + Xây dựng danh mục các địa điểm tiềm năng thu hút khách du lịch quốc tế trên địa bàn tỉnh - Nghiên cứu bài học kinh nghiệm trong thu hút khách du lịch quốc tế ở Việt Nam - Nghiên cứu xây dựng giải pháp thu hút khách du lịch quốc tế đến với tỉnh Thanh Hóa - Xây dựng cuốn sổ tay giới thiệu về các khu, điểm du lịch có tiềm năng thu hút khách du lịch quốc tế ở Thanh Hóa bằng song ngữ Việt – Anh - Xây dựng mô hình lý thuyết thu hút khách du lịch quốc tế (2 mô hình: du lịch cộng đồng và du lịch nghỉ dưỡng biển) - Tổ chức triển khai mô hình thu	- Báo cáo thực trạng thu hút khách du lịch quốc tế ở tỉnh Thanh Hóa. - Báo cáo tiềm năng thu hút khách du lịch quốc tế ở tỉnh Thanh Hóa. - Báo cáo kinh nghiệm trong thu hút khách du lịch quốc tế và bài học cho Thanh Hóa - Báo cáo giải pháp thu hút khách du lịch quốc tế đến với Thanh Hóa - Mô hình lý thuyết thu hút khách du lịch quốc tế đến với Thanh Hóa đối với loại hình du lịch cộng đồng - Mô hình lý thuyết thu hút khách du lịch quốc tế đến với Thanh Hóa đối với loại hình du lịch nghỉ dưỡng biển. - Báo cáo kết quả triển khai mô hình thực nghiệm thu hút khách du lịch quốc tế đến với Pù Luông, Bá Thước. - Báo cáo kết quả triển khai mô hình thực nghiệm thu hút khách du lịch quốc tế đến với Bãi Đông, Tĩnh Gia. - Cuốn sổ tay giới thiệu về các khu, điểm du lịch có khả năng thu hút khách du lịch quốc tế - 02 Video (thời lượng ít nhất 15 phút) giới thiệu 2 điểm du lịch bằng song ngữ Việt - Anh	18 tháng	1055.556	1055.556 (trong đó khoán chi 868.556)	369.556	- Không thu hồi - Kết luận thẩm định số 381 ngày 23/4/2019 của Giám đốc Sở KH&CN

TT	Tên nhiệm vụ KHCN	Tổ chức chủ trì	Mục tiêu, nội dung chính		Dự kiến kết quả đạt được	Thời gian thực hiện	Kinh phí (triệu đồng)			Ghi chú
			Mục tiêu	Nội dung			Tổng số	SNKH	Cấp năm 2019	
				hút khách du lịch quốc tế tại 2 địa điểm (Pù Luông, Bá Thước và Bãi Đông, Tĩnh Gia) - Xây dựng phương án sử dụng kết quả đề tài.	- Phương án nhân rộng sử dụng kết quả của đề tài. - Bài báo công bố kết quả đề tài.					
13.	Dự án SXTN: Ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ xây dựng mô hình sản xuất Sâm báo (Abelmoschus sagittifolius (Kurz) Merr.) gắn với chuỗi giá trị tại huyện Vĩnh Lộc, Thanh Hóa.	Công ty CP Dược liệu Triệu Sơn	- Xây dựng được quy trình sản xuất hạt giống Sâm báo; - Tiếp nhận thành công và hoàn thiện 2 quy trình: Quy trình kỹ thuật trồng sâm báo; Quy trình kỹ thuật thu hoạch, sơ chế biến và bảo quản dược liệu Sâm báo. - Xây dựng thành công vườn sản xuất hạt giống Sâm báo quy mô 01 ha tại xã Vĩnh Hùng - Vĩnh Lộc đạt 80 kg hạt/năm. - Xây dựng được mô hình trồng Sâm báo thương phẩm quy mô 10 ha tại xã Vĩnh Hùng đạt 40 tấn Sâm báo tươi/năm (tương đương 6,67 tấn Sâm báo khô). - Sản xuất thành công 25.000 lít rượu Sâm báo đảm bảo yêu cầu về sản xuất đồ uống có cồn theo các quy định hiện hành.	- Tiếp nhận 2 quy trình: Quy trình kỹ thuật trồng Sâm báo; Quy trình kỹ thuật thu hoạch, sơ chế biến và bảo quản dược liệu Sâm báo từ Trung tâm Nghiên cứu Dược liệu Bắc Trung Bộ - Viện Dược liệu. - Đào tạo 4 cán bộ kỹ thuật, tập huấn 100 lượt hộ nông dân nắm vững các quy trình kỹ thuật trồng, thu hoạch, sơ chế biến và bảo quản dược liệu Sâm báo. - Nghiên cứu xây dựng quy trình sản xuất hạt giống Sâm báo - Xây dựng mô hình sản xuất hạt giống Sâm báo. - Thẩm định loài Sâm báo hiện đang được trồng tại huyện Vĩnh Lộc; Kiểm tra chất lượng đất; chất lượng nước vùng sản xuất Sâm báo tại xã Vĩnh Hùng. - Xây dựng mô hình trồng Sâm báo thương phẩm tại xã Vĩnh Hùng, quy mô 10ha - Xây dựng bộ tiêu chuẩn cơ sở cho dược liệu Sâm báo - Xây dựng tiêu chuẩn cơ sở và sản xuất rượu Sâm báo. - Xây dựng phương án nhân rộng kết quả dự án.	- Quy trình sản xuất hạt giống Sâm báo; - Quy trình kỹ thuật trồng sâm báo; Quy trình kỹ thuật thu hoạch, sơ chế biến và bảo quản dược liệu Sâm báo được hoàn thiện. - Quy trình sản xuất rượu Sâm báo. - Báo cáo kết quả mô hình 01 ha sản xuất hạt giống Sâm báo tại huyện Vĩnh Lộc. - Báo cáo kết quả mô hình 10 ha sản xuất Sâm báo thương phẩm tại huyện Vĩnh Lộc - Tiêu chuẩn cơ sở cho sản phẩm dược liệu Sâm báo huyện Vĩnh Lộc (Theo Thông tư 13/2018/TT-BYT và TT số 21/2007/TT-BKHCN). - 04 cán bộ kỹ thuật, 100 lượt nông dân thành thạo về quy trình kỹ thuật trồng cây Sâm báo, quy trình thu hoạch, sơ chế biến, bảo quản Sâm báo. - 40 tấn Sâm báo tươi (trong đó 24 tấn được sử dụng để sản xuất rượu Sâm báo). - 50.000 chai rượu Sâm báo (500ml) đảm bảo tiêu chuẩn cơ sở. - Phương án sử dụng kết quả Dự án (được UBND huyện Vĩnh Lộc cam kết tổ chức thực hiện).	30 tháng	10709.55	3210.35 (trong đó khoán chi 1242.99)	1120.35	- Không thu hồi - Kết luận thẩm định số 405 ngày 26/4/2019 của Giám đốc Sở KH&CN

TT	Tên nhiệm vụ KHCN	Tổ chức chủ trì	Mục tiêu, nội dung chính		Dự kiến kết quả đạt được	Thời gian thực hiện	Kinh phí (triệu đồng)			Ghi chú
			Mục tiêu	Nội dung			Tổng số	SNKH	Cấp năm 2019	
	Cộng								8139.193	

Tổng kinh phí SNKH cấp đợt này cho 25 nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh là 12.946,319 triệu đồng (Mười hai tỷ, chín trăm bốn sáu triệu, ba trăm mười chín ngàn đồng)./.